

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 72/1999/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Luật Thuế giá trị gia tăng đối với các hoạt động trong Ngành Hàng hải

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH ngày 10/5/1997;

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 102/1998/NĐ-CP ngày 21/12/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 28/1998/NĐ-CP;

Để thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng phù hợp với hoạt động kinh doanh dịch vụ trong ngành hàng hải, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT đối với các hoạt động trong ngành hàng hải như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ GTGT

1- Đối tượng chịu thuế GTGT:

- a. Vận tải đường biển, đường sông nội địa: là hoạt động vận tải giữa các cảng biển, cảng sông trong nước.
- b. Dịch vụ khai thác cảng biển, cảng sông gồm: bốc xếp, lưu kho bãi, hỗ trợ lai dắt tàu, buộc cởi dây, đóng mở nắp hầm hàng, quét dọn hầm hàng, cung cấp nước ngọt, thực phẩm, nhiên liệu cho các tàu biển vận tải nội địa hoặc cung cấp gián tiếp qua một đơn vị khác cho các tàu biển vận tải quốc tế, kiểm đếm, giao nhận hàng hoá, phí cầu bến, cho thuê thiết bị, phương tiện...
- c. Dịch vụ hàng hải gồm:
 - Đại lý tàu biển: Là các dịch vụ làm thủ tục để cho tàu biển ra, vào các cảng biển. Phí đại lý này được thu theo biểu phí quy định của Ban Vật giá Chính phủ và được tính thu cho từng chuyến tàu;

- Đại lý vận tải, đại lý hàng hoá, giao nhận, mua bán giao nhận tàu, mua bán thiết bị, phụ tùng, đại lý cho thuê vỏ container;
- Dịch vụ cho các đơn vị trong nước hoặc các đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thuê tàu.
- Môi giới hàng hải: Là dịch vụ làm trung gian (bên thứ ba) để thực hiện việc mua bán tàu hoặc hoạt động mua, bán khác trong ngành hàng hải. Được xác định là môi giới hàng hải trong trường hợp làm môi giới thể hiện rõ giữa 3 bên: bên bán, bên mua và bên môi giới.
- Sửa chữa cơ khí hàng hải cho các phương tiện vận tải nội địa.

d. Dịch vụ xuất khẩu thuyền viên.

2- Đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT:

a. Vận tải biển quốc tế: Vận tải biển quốc tế được hiểu là tàu biển của nước ngoài hoặc của các đơn vị trong nước tham gia vận tải hàng hoá từ cảng Việt Nam ra cảng nước ngoài hoặc ngược lại, vận tải hàng hoá giữa các cảng nước ngoài.

b. Dịch vụ trực tiếp bốc xếp hàng hoá xuất nhập khẩu của các cảng lên, xuống tàu vận tải biển quốc tế mà cước phí bốc xếp này nằm trong cước vận tải biển quốc tế do Ban Vật giá Chính phủ quy định thu bằng ngoại tệ (USD) theo các tác nghiệp:

- Xếp dỡ hàng hoá hầm tàu - toa xe, ô tô, sà lan hoặc ngược lại; xếp dỡ hàng hoá, hầm tàu - sà lan, kho bãi cảng hoặc ngược lại.

- Xếp dỡ container hầm tàu - toa xe, ô tô, sà lan hoặc ngược lại; xếp dỡ container hầm tàu, sà lan, kho bãi cảng hoặc ngược lại.

(Hoạt động bốc xếp trên không bao gồm bốc xếp container không có hàng và bốc xếp hàng hoá đến các cảng cạn).

c. Dịch vụ cho nước ngoài thuê tàu định hạn hoặc tàu trần.

d. Thuê tàu của nước ngoài sau đó cho các đơn vị nước ngoài thuê lại.

e. Hoạt động trực tiếp cung cấp nước ngọt, thực phẩm, nhiên liệu cho tàu biển tham gia vận tải biển quốc tế. Trong trường hợp này phải cụ thể chứng từ cung cấp trực tiếp cho từng con tàu, tên chủ tàu, lịch trình ngày khởi hành, đi nước nào. Trong trường hợp lịch trình của con tàu đã xác định được cụ thể là đi từ một cảng Việt

Nam, sau đó qua một cảng Việt Nam khác đi ra một cảng cụ thể ngoài lãnh thổ Việt Nam thì các hoạt động cung cấp nói trên cho con tàu này cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Khái niệm trực tiếp cung cấp trên được hiểu là trực tiếp xuất hoá đơn cho chủ tàu của con tàu tham gia vận tải biển quốc tế.

Ví dụ 1: Cảng A trực tiếp cung cấp xăng dầu và nước ngọt con tàu B, lịch trình của con tàu này trước khi rời cảng A đã biết được là vận tải hàng hoá theo lộ trình cảng A đến TOKYO hoặc cảng A - Hải phòng - TOKYO thì các hoạt động cung cấp này của cảng A không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và cảng A xuất hoá đơn thông thường cho chủ tàu.

Ví dụ 2: Cảng A cung cấp xăng dầu và nước ngọt cho đại lý C, sau đó đại lý này cung cấp cho con tàu B tham gia vận tải quốc tế, trường hợp lịch trình của con tàu này cũng đã xác định được như ví dụ 1 trên đây thì dịch vụ cung cấp trên của cảng A cho đại lý C vẫn thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, cảng A xuất hoá đơn cho đại lý C vẫn dùng hoá đơn GTGT. Dịch vụ cung cấp nước ngọt, xăng dầu của đại lý C cho con tàu B không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, khi đại lý C xuất hoá đơn cho chủ tàu dùng hoá đơn bán hàng thông thường.

Ví dụ 3: Cảng A trực tiếp cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho chủ tàu B nhưng con tàu B không có đầy đủ lịch trình, cụ thể nêu trên để chứng minh hoạt động vận tải biển quốc tế thì dịch vụ cung cấp này của cảng A vẫn thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, khi xuất hoá đơn phải dùng hoá đơn GTGT.

g. Sửa chữa phương tiện vận tải có tham gia vận tải biển quốc tế (bao gồm cả các phụ tùng thay thế do đơn vị sửa chữa cung cấp). Trường hợp đơn vị vận tải trong nước có tham gia vận tải biển quốc tế nhưng không thể tách riêng được doanh thu cho từng con tàu và từng chuyến tàu tham gia vận tải biển quốc tế thì căn cứ vào tỷ trọng giữa doanh thu vận tải biển quốc tế và doanh thu vận tải biển nội địa của năm trước để xác định. Nếu năm trước tỷ trọng vận tải biển quốc tế chiếm trên 50% tổng doanh thu vận tải (có kiểm tra xác nhận của cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị) thì trong năm sau nếu đơn vị có phương tiện mang đi sửa chữa thì đơn vị sửa chữa không phải nộp thuế GTGT đối với hoạt động sửa chữa này và ngược lại.

Ví dụ: Công ty vận tải A tại thành phố Hải Phòng năm 1998 có doanh số vận tải biển quốc tế chiếm 51% tổng doanh số vận tải, tỷ trọng doanh số vận tải này có xác nhận bằng văn bản của Cục thuế Hải Phòng. Năm 1999 Công ty mang con tàu X đi sửa chữa, việc sửa tàu này do Công ty B thực hiện. Hoạt động sửa con tàu X của Công ty B sẽ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

3- Đối tượng nộp thuế GTGT:

Đối tượng nộp thuế GTGT là các đơn vị có thực hiện các dịch vụ thuộc diện chịu thuế GTGT và các dịch vụ được quy định tại điểm 1 mục 1 của Thông tư này, bao gồm:

- Công ty hạch toán kinh tế độc lập;
- Chi nhánh các Công ty đóng tại địa phương khác địa phương Công ty đóng trụ sở chính;
- Văn phòng Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

II. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

Thuế GTGT phải nộp đối với Công ty hạch toán kinh tế độc lập và các chi nhánh phụ thuộc, văn phòng Tổng công ty được tính theo phương pháp khấu trừ thuế :

Thuế GTGT phải nộp	=	Thuế GTGT đầu ra	-	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
--------------------	---	------------------	---	---------------------------------

1- Thuế GTGT đầu ra :

Thuế GTGT đầu ra được xác định trên cơ sở giá tính thuế GTGT nhân (x) thuế suất. Đối với các khoản cước, phí cảng biển thu theo biểu giá cước theo quyết định của Ban Vật giá Chính phủ, giá tính thuế GTGT là giá chưa có thuế GTGT được tính như sau:

Giá theo mức giá qui định
của Ban Vật giá Chính phủ
Giá chưa có thuế GTGT =

1 + Thuế suất

Thuế GTGT đầu ra = Giá chưa có thuế GTGT x Thuế suất

Các cơ sở kinh doanh xuất hoá đơn thu tiền cung ứng dịch vụ là hoá đơn GTGT. Cách xác định giá chưa có thuế và thuế GTGT theo công thức nêu trên. Riêng trường hợp xuất hoá đơn GTGT cho chủ tàu nước ngoài thu trực tiếp cước, phí cảng biển theo biểu cước, phí Ban Vật giá Chính phủ qui định thì khi viết hoá đơn GTGT chỉ ghi dòng tổng số tiền thanh toán, không tách riêng giá chưa có thuế GTGT và thuế GTGT trên hoá đơn. Đơn vị xuất hoá đơn trong trường hợp này khi kê khai thuế được tính lại theo công thức trên để xác định thuế GTGT đầu ra.

Giá tính thuế và thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với từng hoạt động quy định như sau:

- Đối với dịch vụ vận tải là giá cước vận tải chưa có thuế GTGT. Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ này là 10%.
- Đối với dịch vụ khai thác cảng biển giá tính thuế được tính theo công thức nêu trên, thuế suất tính riêng theo từng dịch vụ cụ thể. Giá dịch vụ khai thác cảng biển chưa có thuế GTGT căn cứ vào biểu các loại giá cước, phí, lệ phí theo quy định của Ban Vật giá Chính phủ.
- Đối với dịch vụ môi giới hàng hải, giá tính thuế là số tiền thu được từ dịch vụ môi giới chưa có thuế GTGT, nếu doanh thu đã có thuế GTGT thì phải quy đổi theo công thức nêu trên để xác định giá chưa có thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT của hoạt động này là 20%.
- Đối với dịch vụ đại lý tàu biển, giá tính thuế căn cứ theo biểu giá quy định của Ban Vật giá Chính phủ và tính đổi theo công thức nêu trên, thuế suất thuế GTGT của hoạt động này là 20%. Các đơn vị làm đại lý tàu biển có các hoạt động dịch vụ khác nếu đủ cơ sở pháp lý tách riêng từng dịch vụ thì thuế suất thuế GTGT tính riêng cho từng dịch vụ cụ thể, trường hợp không tách riêng được thì áp dụng chung theo mức thuế suất của hoạt động đại lý tàu biển là 20%.
- Các cơ sở kinh doanh làm đại lý vận tải, đại lý giao nhận hàng hoá có các khoản thu hộ cho khách hàng, thuế GTGT đầu ra được xác định trên nguyên tắc bao gồm toàn bộ các khoản thu của khách hàng. Doanh thu tính thuế là tổng thu trừ (-) cước vận tải quốc tế (nếu có) và các khoản chi phí phát sinh ngoài Việt Nam có chứng từ